FireAnt

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	12,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,000
SL cổ phiếu LH	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
P/E	
EPS	

	YTD	1T	3T	6T
VTS	-3.9%	-3.1%	-0.8%	-35.9%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

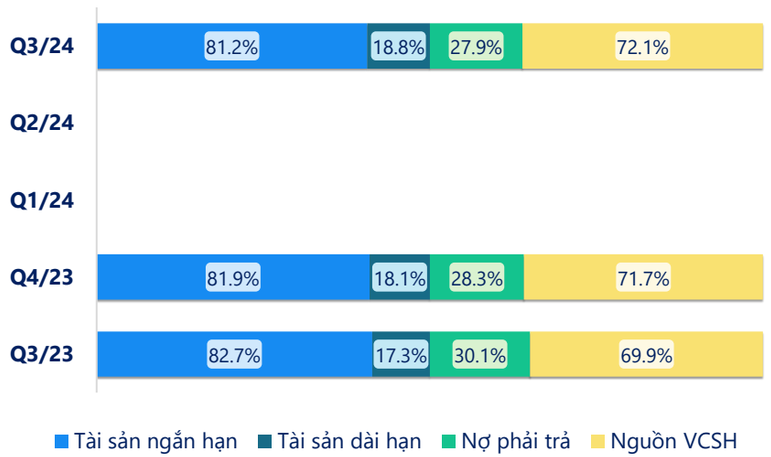

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

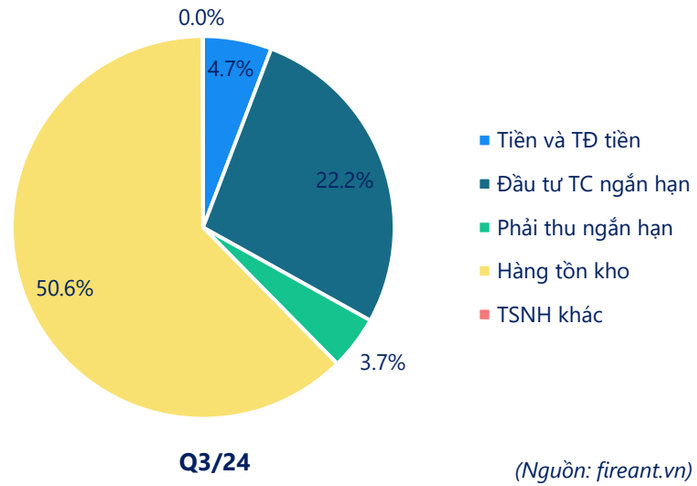

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

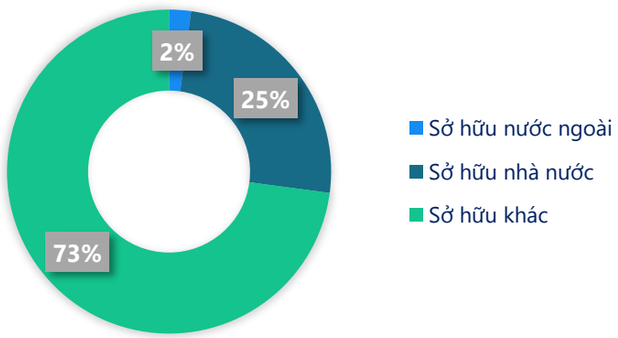

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

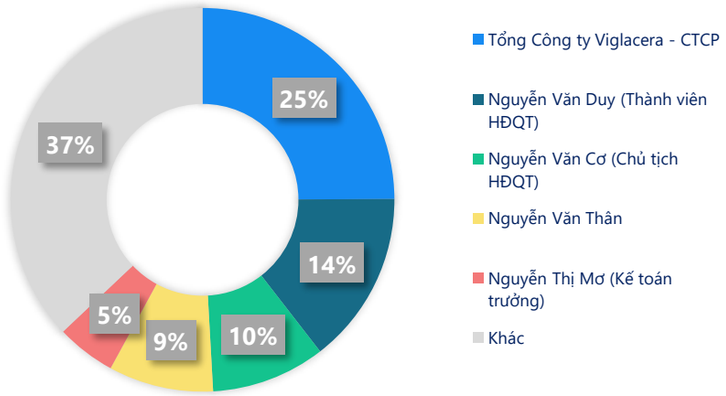

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

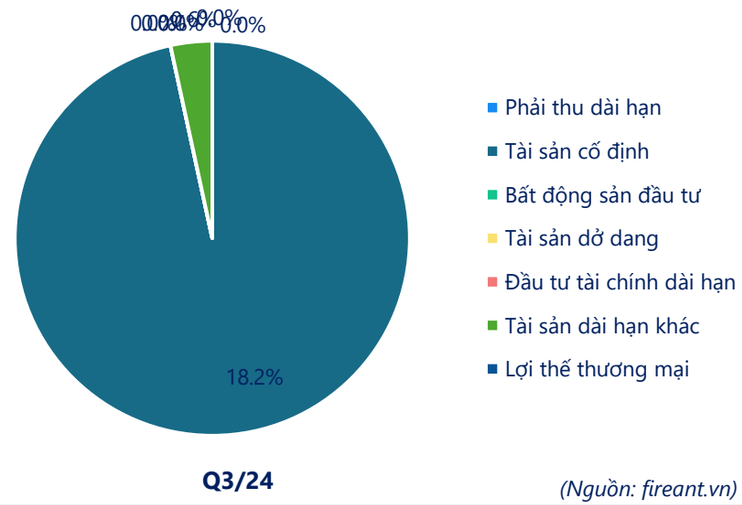

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Tiền và tương đương tiền

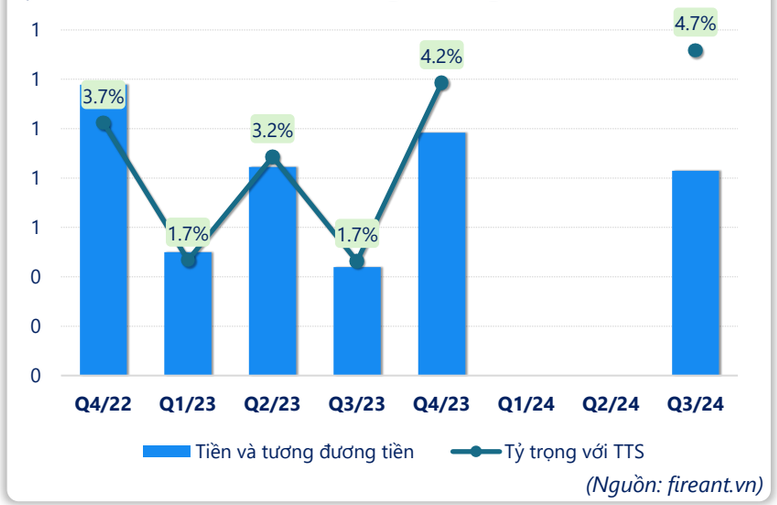

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

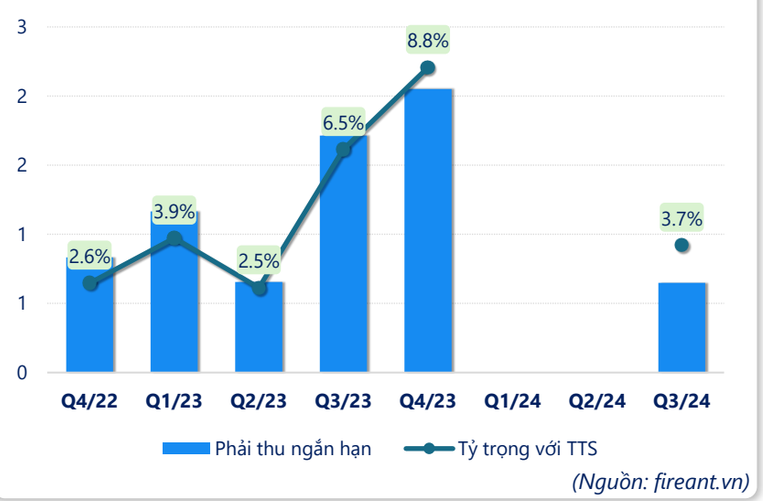

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

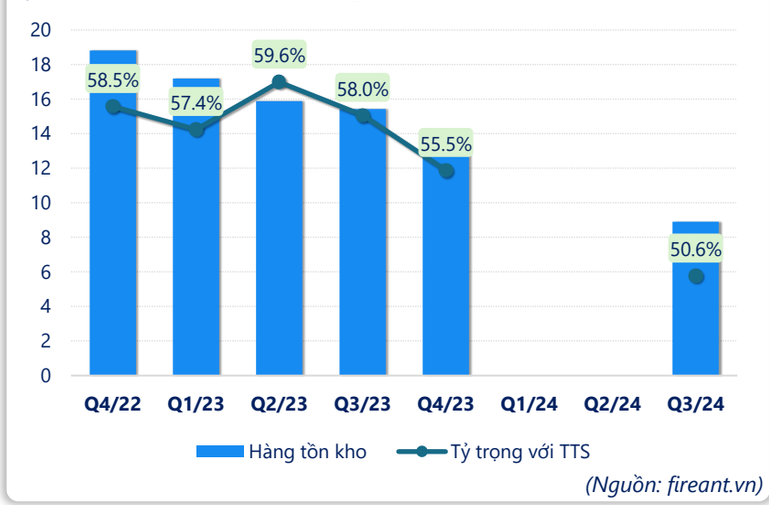

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

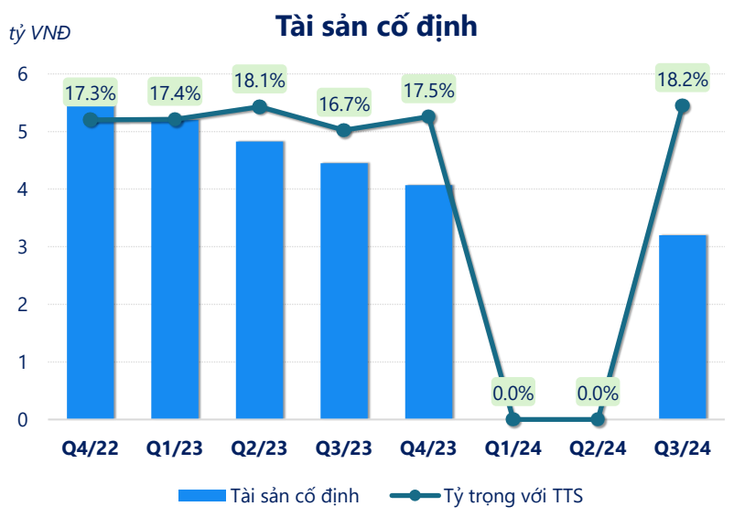

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

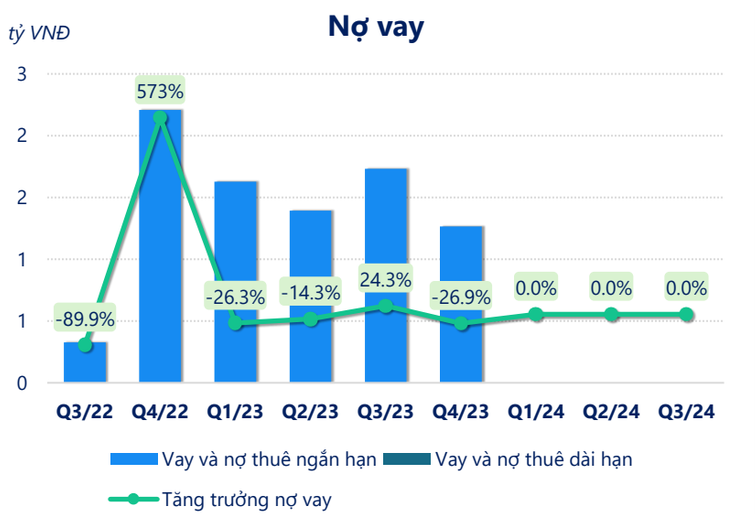

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

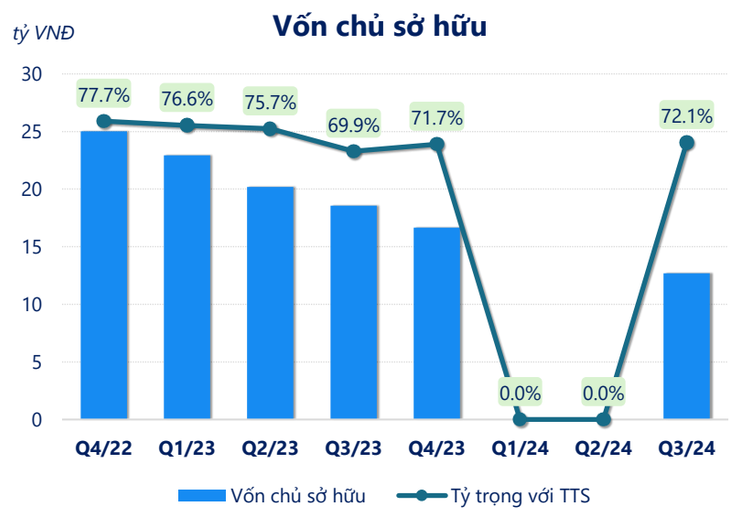

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Kết quả kinh doanh

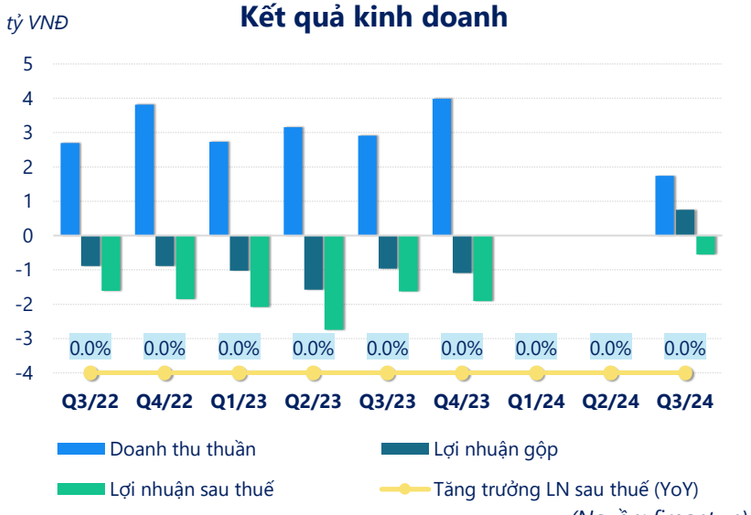

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

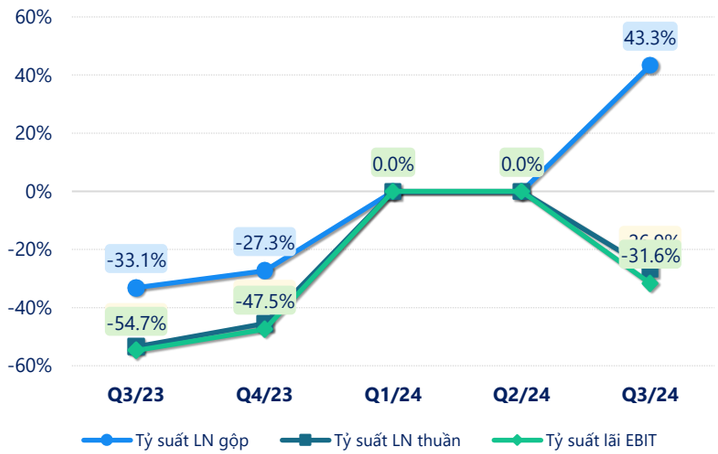

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

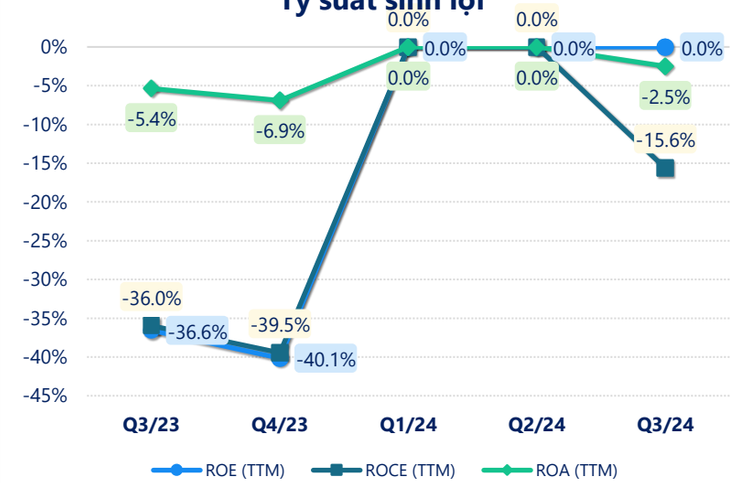

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

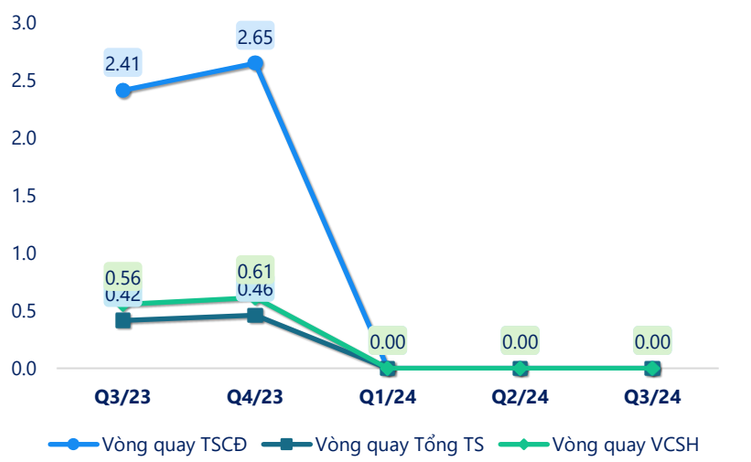

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

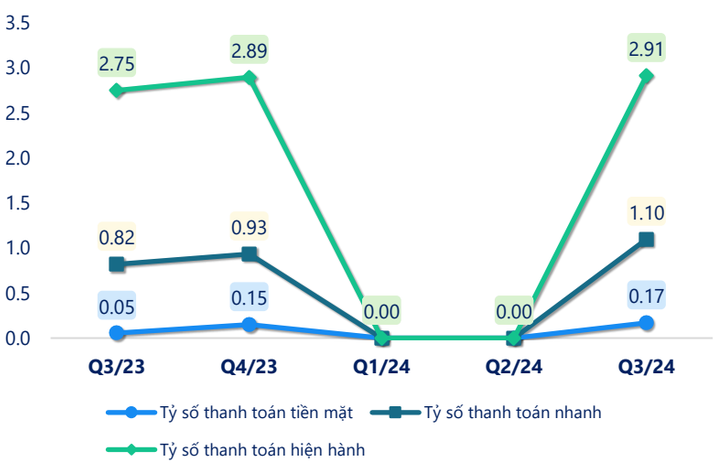

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

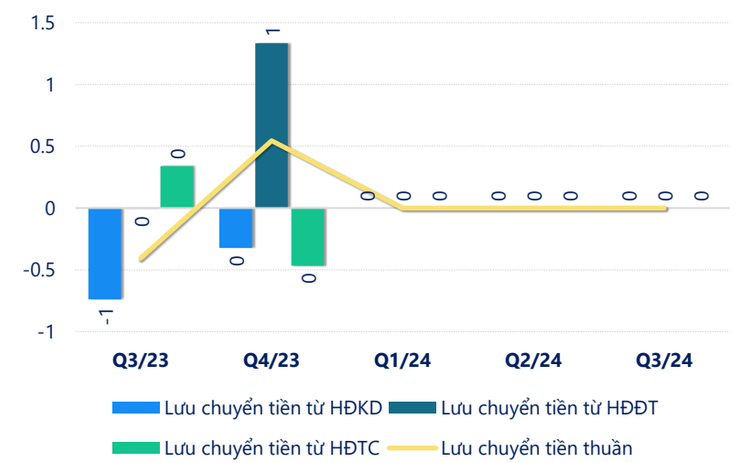

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**17.6**	**23.2**	**-24.2%**
Tài sản ngắn hạn	14.3	19.0	-24.9%
Tiền và tương đương tiền	0.83	0.98	-15.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.90	3.10	25.8%
Phải thu ngắn hạn	0.65	2.05	-68.3%
Hàng tồn kho	8.91	12.9	-30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	103%
Tài sản dài hạn	**3.31**	**4.20**	**-21.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.20	4.07	-21.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.11**	**0.13**	**-10.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.90	6.57	-25.4%
Nợ ngắn hạn	**4.90**	**6.57**	**-25.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.27	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.76	3.43	-19.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12.7**	**16.6**	**-23.7%**
Vốn chủ sở hữu	**12.7**	**16.6**	**-23.7%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	2.91	3.99			1.74
Giá vốn hàng bán	3.87	5.07			0.99
Lợi nhuận gộp	-0.96	-1.09			0.76
Doanh thu HĐTC	0.06	0.06			0.02
Chi phí TC	0.03	0.02			0
Chi phí lãi vay	0.03	0.02			0
LN trong công ty LKLD	0	0			0
Chi phí bán hàng	0.10	0.15			0.30
Chi phí QLDN	0.52	0.61			0.95
LN thuần từ HĐKD	-1.55	-1.81			-0.47
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.10			-0.08
LN trước thuế	-1.63	-1.91			-0.55
Lợi nhuận sau thuế	-1.63	-1.91			-0.55
LNST của CĐ cty mẹ	-1.63	-1.91			-0.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.74	-0.32	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.33	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.34	-0.47	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.84	0.44	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.41**	**0.54**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.44	0.98	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic